

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2008

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 từ trang 7 đến trang 25.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) - đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 11/09/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess được chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp và Tư vấn Đầu tư Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104000191 cấp ngày 29/04/2005.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐTBXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0103016510 ngày 11/09/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Đào tạo nghề trong lĩnh vực điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp, cơ khí, xây dựng, giao thông, công nghệ thông tin, thủ công mỹ nghệ, thời trang, công nghiệp, nông nghiệp và các ngành công nghệ cao;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, giao thông và các công trình văn hóa - thể thao;
- Mua bán, chế biến nông, lâm, thủy sản, khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Tư vấn mua, bán doanh nghiệp;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 25 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Đinh Hồng Long	Chủ tịch	
2. Ông Đào Mạnh Kháng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/10/2009
3. Ông Phạm Hồng Hải	Ủy viên	
4. Ông Lưu Quang Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/01/2008
5. Bà Lương Thị Anh Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/01/2008
6. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 19/04/2008

Ban Giám đốc

1. Ông Đinh Hồng Long	Tổng Giám đốc	
2. Ông Lưu Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	
3. Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19/04/2008
4. Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/12/2008

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hải Yến

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY Ltd) – Thành viên độc lập của Hãng kiểm toán quốc tế UHY INTERNATIONAL (UHY).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Số: /2009 /UHY – BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008
của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 từ trang 07 đến trang 25, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính như sau: Như đã nêu tại thuyết minh số 4.2, các khoản đầu tư ngắn hạn mua cổ phiếu chưa niêm yết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 của Công ty theo giá trị gốc.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Báo cáo này phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 73/2009/UHY-BCKT ngày 06/04/2009 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư tổng hợp Hà Nội, do đến thời điểm phát hành Báo cáo này chúng tôi đã thu thập được thêm các bằng chứng liên quan đến các vấn đề nêu trong phần hạn chế của Báo cáo kiểm toán nêu trên.

Phạm Thị Hồng Liên

Phó Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1131/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Nguyễn Thị Phương Thảo

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2008	Tại ngày 01/01/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		142.400.602.819	54.310.371.982
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	12.622.827.216	18.676.407.247
Tiền	111		3.722.827.216	18.676.407.247
Các khoản tương đương tiền	112		8.900.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	22.109.674.980	7.975.500.000
Đầu tư ngắn hạn	121		23.046.674.980	8.671.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(937.000.000)	(696.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.725.016.864	23.628.117.035
Phải thu khách hàng	131		7.134.915.109	4.257.606.390
Trả trước cho người bán	132		21.274.538.280	99.255.552
Các khoản phải thu khác	135	4.3	20.382.623.475	19.271.255.093
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(67.060.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	46.948.010.486	3.151.946.355
Hàng tồn kho	141		46.948.010.486	3.151.946.355
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.995.073.273	878.401.345
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.090.877.687	140.431.345
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	4.5	2.116.984.304	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	6.787.211.282	737.970.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.792.941.925	5.765.822.806
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.997.785.520	1.878.962.265
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	1.997.785.520	1.878.962.265
- Nguyên giá	222		2.602.132.996	2.061.800.209
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(604.347.476)	(182.837.944)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		36.149.000.000	3.614.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	4.8	4.634.000.000	3.584.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	4.9	31.515.000.000	30.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		1.646.156.405	272.860.541
Chi phí trả trước dài hạn	271		414.134.821	165.712.383
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
Tài sản dài hạn khác	278	4.10	1.232.021.584	107.148.158
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		182.193.544.744	60.076.194.788

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2008	Tại ngày 01/01/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		95.944.978.862	22.564.109.842
I. Nợ ngắn hạn	310		95.944.978.862	22.564.109.842
Vay và nợ ngắn hạn	311	4.11	29.044.200.000	1.934.155.680
Phải trả người bán	312		3.294.064.365	3.042.029.993
Người mua trả tiền trước	313		37.890.830.211	2.354.426.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.12	70.871.320	874.070.839
Chi phí phải trả	316	4.12	1.585.893.943	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.14	24.059.119.023	14.359.427.330
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.248.565.882	37.512.084.946
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	86.128.849.388	37.285.026.452
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	35.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.524.000.000	241.500.000
Cổ phiếu ngân quỹ	414		(2.000.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		227.058.494	227.058.494
Quỹ dự phòng tài chính	418		113.529.247	113.529.247
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		264.261.647	1.702.938.711
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		119.716.494	227.058.494
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		119.716.494	227.058.494
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		182.193.544.744	60.076.194.788

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Tại ngày 31/12/2008	Tại ngày 01/01/2008
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
Ngoại tệ các loại		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	196.260.769.126	15.716.628.272
2. Các khoản giảm trừ	02		638.694.786	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	195.622.074.340	15.716.628.272
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	183.357.901.265	15.316.718.839
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.264.173.075	399.909.433
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.282.360.308	5.142.507.124
7. Chi phí tài chính	22	5.4	11.258.456.573	1.045.359.305
- Trong đó: Chi phí lãi vay, lãi thuê TC	23		2.455.265.273	87.422.695
8. Chi phí bán hàng	24	5.5	5.207.237.447	196.722.681
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	4.838.297.281	1.179.170.816
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		242.542.082	3.121.163.755
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	2.748.046
13. Lỗ khác	40		-	(2.748.046)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		242.542.082	3.118.415.709
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	5.7	-	872.917.851
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		242.542.082	2.245.497.858
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty	72		242.542.082	2.245.497.858
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		35,28	2.140

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2008	Năm 2007
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		247.625.728.794	20.397.759.358
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(246.097.000.158)	(36.717.335.266)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.877.379.660)	(649.153.067)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(914.621.507)	(87.422.695)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.984.130.427)	(8.470.403)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		61.467.115.776	29.559.528.161
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(86.054.986.370)	(21.948.090.761)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29.835.273.552)	(9.453.184.673)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(540.332.787)	(547.630.650)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(19.086.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.007.045.148	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(31.735.000.000)	(3.614.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		3.650.428.750	202.357.124
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.703.858.889)	(3.959.273.526)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		53.412.500.000	30.151.686.176
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu và mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(3.130.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.993.024.000	15.504.608.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(25.109.351.844)	(13.570.452.820)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.680.619.746)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58.485.552.410	32.085.841.856
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.053.580.031)	18.673.383.657
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4.1	18.676.407.247	3.023.590
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4.1	12.622.827.216	18.676.407.247

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) - đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103016510 ngày 30/03/2007, và thay đổi Đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 11/09/2008 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty Cổ phần Đầu tư Inconess được chuyển đổi từ Công ty TNHH Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp và Tư vấn Đầu tư Hà Nội - được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0104000191 cấp ngày 29/04/2005.

Công ty được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 134/LĐT BXH-GP ngày 26/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 6 Tòa nhà Viglacera, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy;
- Kinh doanh ô tô, xe máy và phụ tùng ô tô, xe máy;
- Đào tạo nghề trong lĩnh vực điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điện công nghiệp, cơ khí, xây dựng, giao thông, công nghệ thông tin, thủ công mỹ nghệ, thời trang, công nghiệp, nông nghiệp và các ngành công nghệ cao;
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, giao thông và các công trình văn hóa - thể thao;
- Mua bán, chế biến nông, lâm, thủy sản, khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Tư vấn đầu tư tài chính;
- Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Tư vấn mua, bán doanh nghiệp;
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, hạ tầng giao thông, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, hạ tầng đô thị;
- Thiết kế quy hoạch, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Tư vấn, thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cầu đường;
- Giám sát thi công các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp)

- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: bao gồm các dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm dịch vụ giám định hàng hóa; định giá tài sản thuộc thẩm quyền của Nhà nước; không bao gồm tư vấn giá đất);
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Kinh doanh sắt, thép, phôi thép và kim loại màu;
- Mua, bán lương thực, thực phẩm, phân bón các loại.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Áp dụng các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng về tổn thất của các khoản đầu tư khác. Giá vốn của chứng khoán đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền mỗi tháng.

Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, Công ty chưa thu thập được các thông tin liên quan đến việc giảm giá chứng khoán, do đó Công ty chưa trích lập dự phòng.

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi được ước tính dựa trên cơ sở xem xét của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu được tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền; bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng. Hàng tồn kho được hạch toán theo nguyên tắc kê khai thường xuyên. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể, thời gian khấu hao đối với các nhóm tài sản cố định của Công ty như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi sổ theo giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các tổ chức kinh tế mà Công ty có tham gia góp vốn. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phát sinh khác (ngoài lợi nhuận được chia) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hiện nay, Công ty chưa thu thập được thông tin liên quan đến việc giảm giá các khoản đầu tư dài hạn, do đó Công ty chưa trích lập dự phòng.

3.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.10 Chính sách ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành, được khách hàng thanh toán hoặc chấp thuận thanh toán.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

3.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 28%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Các bên liên quan

Một bên được gọi là bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có thể ảnh hưởng lớn đến Công ty trong các quyết định về hoạt động và tài chính.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Tiền mặt	2.424.358.725	2.978.916.042
Tiền gửi ngân hàng	1.298.468.491	15.697.491.205
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	8.900.000.000	-
Cộng	12.622.827.216	18.676.407.247

Ghi chú (*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn ở Ngân hàng Eximbank – CN Long Biên.

4.2 Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	18.638.820.000	8.671.500.000
Cổ phiếu niêm yết	4.045.289.980	-
Đầu tư ngắn hạn khác	362.565.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(937.000.000)	(696.000.000)
Cộng	22.109.674.980	7.975.500.000

Ghi chú (*): Tại thời điểm lập Báo cáo này, không có đủ thông tin về giao dịch mua bán cổ phiếu trên thị trường và các thông tin cần thiết khác liên quan đến các loại cổ phiếu chưa niêm yết. Đồng thời, không có dấu hiệu nào cho thấy giá trị của các loại cổ phiếu này bị suy giảm so với giá gốc của khoản đầu tư. Do đó, theo đánh giá của Công ty, không cần trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
- Cho cán bộ CNV vay vốn mua cổ phần	-	3.473.662.904
- Tiền đặt cọc đầu giá đất tại BQL DA Cầu Giấy	-	600.000.000
- Tiền đặt cọc đầu giá đất tại BQL DA Hoàng Mai	-	1.800.000.000
- Phải thu tiền bán chứng khoán - Cty CP ĐTTC Findex	-	5.650.000.000
- Phải thu tiền bán chứng khoán - Nguyễn Thanh Huyền	-	3.000.000.000
- Phải thu tiền bán chứng khoán - Hoàng Kim Hưng	-	1.914.000.000
- Phải thu tiền bán chứng khoán - Nguyễn Hoàng Quân	-	2.832.000.000
- Lãi tiền cho vay công ty CP Cơ điện và công trình	162.225.000	-
- Tiền gốc vay và lãi vay phải thu Cty Đầu tư tài chính Findex	4.349.004.332	-
- Tiền gốc vay và lãi vay phải thu cá nhân (*)	9.658.996.917	-
- Phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán - Nguyễn Thanh Huyền	3.176.393.983	-
- Phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán - Nguyễn Thị Hằng	3.035.853.243	-
- Phải thu khác	150.000	1.592.189
Cộng	20.382.623.475	19.271.255.093

Ghi chú (*): Đây là các khoản Công ty cho các cá nhân vay lại theo quy chế số 01/HĐQT ngày 07/07/2007 của Hội đồng Quản trị về việc huy động vốn nhân rồi của các thành viên trong Công ty và các tổ chức hoặc cá nhân ngoài xã hội. Theo quy định tại quy chế này, các cá nhân có tài sản cho Công ty mượn làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng thì được vay lại tối đa 50% số tiền mà Công ty được vay với lãi suất theo lãi suất ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	410.417.912	-
Công cụ, dụng cụ	361.965.595	148.354.370
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.522.095.548	-
Hàng hoá	39.653.531.431	3.003.591.985
Cộng giá gốc hàng tồn kho	46.948.010.486	3.151.946.355

4.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty tạm nộp cho 3 quý đầu năm 2008. Tuy nhiên theo Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008 thì Công ty không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.6 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Các khoản tạm ứng (*)	6.787.211.282	698.970.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	39.000.000
Cộng	6.787.211.282	737.970.000

Ghi chú (*): Tại ngày 31/12/2008, số dư khoản tạm ứng chủ yếu bao gồm tạm ứng thực hiện các dự án, tạm ứng đầu tư chứng khoán và tạm ứng làm hàng phôi thép.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.7 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2008	2.026.800.209	35.000.000	2.061.800.209
Tăng trong năm	522.112.468	18.220.319	540.332.787
- Tăng do mua mới	522.112.468	18.220.319	540.332.787
- XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tăng do điều chuyển	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2008	2.548.912.677	53.220.319	2.602.132.996
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại 01/01/2008	177.976.834	4.861.110	182.837.944
Khấu hao trong năm	404.781.668	16.727.864	421.509.532
- Trích khấu hao trong năm	404.781.668	16.727.864	421.509.532
- Tăng khác	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại 31/12/2008	582.758.502	21.588.974	604.347.476
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2008	1.848.823.375	30.138.890	1.878.962.265
Tại 31/12/2008	1.966.154.175	31.631.345	1.997.785.520

4.8 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Góp vốn liên doanh:

Tại ngày 31/12/2008, số dư khoản đầu tư vào công ty liên doanh là 1.050.000.000 đồng.

Hợp đồng hợp tác liên doanh được ký ngày 22/01/2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (Bên B) với Công ty Cổ phần Điện cơ và Công trình (Bên A) với nội dung: “Đầu tư góp vốn liên doanh cung cấp đệm vi sinh cho các trạm xử lý nước thải bệnh viện trong năm 2008”. Tổng giá trị hợp đồng là 1.050.000.000 đồng.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Bên B chuyển cho Bên A số tiền là 50% giá trị hợp đồng để sản xuất đệm vi sinh và khi có đơn vị vào thi công trạm xử lý nước thải, Bên B chuyển tiếp 50% số tiền còn lại cho Bên A để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất.

Lợi nhuận của dự án được phân chia như sau: Sau khi hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính theo quy định (trừ chi phí thuế phải nộp cho Nhà nước, tiền lãi vay 1,5%/tháng phải trả cho Bên B, phí quản lý 2% phải trả cho Bên A), lợi nhuận còn lại được phân chia theo tỷ lệ 50/50 cho mỗi bên góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp)

Đầu tư vào Công ty liên kết:

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND	Vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ phần sở hữu thực tế (%)
Công ty CP Đầu tư Phát triển ô tô xe máy Hà Nội	3.584.000.000	3.584.000.000	5.084.000.000	35,84%

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103019496 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển ô tô xe máy Hà Nội do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 1 ngày 26/12/2007, vốn điều lệ đăng ký là 10.000.000.000 đồng trong đó cổ đông sáng lập là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội đăng ký góp 5.084.000.000 đồng tương ứng với 508.400 cổ phần. Tuy nhiên, đến ngày 28/12/2007, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng 150.000 cổ phần còn lại phải góp cho cổ đông sáng lập khác là ông Phạm Hồng Hải theo hợp đồng chuyển nhượng số 2812/HĐCNCP ngày 28/12/2007 được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4.9 Đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Đầu tư cổ phiếu dài hạn	8.315.000.000	30.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đắkpru	900.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Việt Nam	200.000.000	-
- Công ty CP Xuân Minh SD Thanh Hoa	5.850.000.000	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Du lịch Bắc Kạn	1.365.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	23.200.000.000	-
- Dự án khu nhà ở văn phòng Tây Mỗ	17.500.000.000	-
- Dự án tòa nhà văn phòng khu chung cư cao cấp Mỹ Đình	4.900.000.000	-
- Dự án khu biệt thự Quang Hương tỉnh Hòa Bình	800.000.000	-
Cộng	31.515.000.000	30.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Tài sản dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Khoản ký quỹ hợp đồng XK lao động	1.004.695.928	-
Tiền đặt cọc thuê nhà	227.325.656	107.148.158
Cộng	1.232.021.584	107.148.158

4.11 Vay và nợ ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Vay ngắn hạn		
Vay Ngân hàng Eximbank - CN Long Biên	14.185.000.000	1.934.155.680
Vay cá nhân	14.859.200.000	-
Cộng	29.044.200.000	1.934.155.680

4.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	867.146.123
Thuế thu nhập cá nhân	70.871.320	6.924.716
Cộng	70.871.320	874.070.839

4.13 Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2008 VND	Tại ngày 01/01/2008 VND
Lãi tiền vay phải trả cho cá nhân	1.540.643.766	-
Chi phí hoạt động phải trả	45.250.177	-
Cộng	1.585.893.943	-

4.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

Số dư các khoản phải trả phải nộp khác tại ngày 31/12/2008 của Công ty chủ yếu bao gồm khoản Công ty Quản lý Quỹ Dầu khí toàn cầu chuyển cho Công ty 24 tỷ đồng (tương ứng với 50% giá trị hợp đồng) theo Hợp đồng số 01/HANIC-GP.FUND giữa Công ty (bên A) và Công ty quản lý quỹ dầu khí toàn cầu (GP.FUND) về việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền tham gia góp 30% vốn đầu tư dự án Tây Mỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.15 Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/04/2007	-	-	-	-	-	(25.796.208)	(25.796.208)
Tăng vốn trong năm trước	35.000.000.000	241.500.000	-	227.058.494	113.529.247	-	35.582.087.741
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	2.245.497.858	2.245.497.858
Tăng khác	-	-	-	0	-	50.883.295	50.883.295
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(567.646.234)	(567.646.234)
Tại ngày 31/12/2007	35.000.000.000	241.500.000	-	227.058.494	113.529.247	1.702.938.711	37.285.026.452
Tại ngày 01/01/2008	35.000.000.000	241.500.000	-	227.058.494	113.529.247	1.702.938.711	37.285.026.452
Tăng vốn trong năm nay	45.000.000.000	7.282.500.000	-	-	-	-	52.282.500.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	242.542.082	242.542.082
Tăng khác	-	-	(3.130.000.000)	-	-	-	(3.130.000.000)
Giảm khác	-	-	1.130.000.000	-	-	(1.681.219.146)	(551.219.146)
- Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho cổ đông	-	-	-	-	-	(1.680.619.746)	(1.680.619.746)
- Giảm khác	-	-	1.130.000.000	-	-	(599.400)	1.129.400.600
Tại ngày 31/12/2008	80.000.000.000	7.524.000.000	(2.000.000.000)	227.058.494	113.529.247	264.261.647	86.128.849.388

Ghi chú (*): Công ty mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT/2008 ngày 11/11/2008 của Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Tại ngày 31/12/2008		Tại ngày 31/12/2007	
	'000VND	Số cổ phiếu	'000VND	Số cổ phiếu
Vốn góp của cổ đông sáng lập	23.600.000	2.360.000	23.100.000	2.310.000
Vốn góp của cổ đông khác	56.400.000	5.640.000	11.900.000	1.190.000
Tổng cộng	80.000.000	8.000.000	35.000.000	3.500.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	-
- Vốn góp tăng trong năm	45.000.000.000	35.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.680.619.746	-

d) Cổ tức

	Năm 2008	Năm 2007
	%	%
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
Cổ tức theo kế hoạch năm (*)	16% - 18%	15%

Ghi chú (*): Tỷ lệ chi trả cổ tức trên được lấy theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2008 được Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 19/04/2008 thông qua.

e) Cổ phiếu

Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2008	Tại ngày 01/01/2008
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	2.345.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	1.155.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	200.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	200.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.800.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.800.000	2.345.000

Mệnh giá của cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	196.188.323.726	15.716.628.272
Doanh thu cung cấp dịch vụ (xuất khẩu lao động)	72.445.400	-
Cộng	196.260.769.126	15.716.628.272

5.2 Giá vốn

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	183.357.901.265	15.316.718.839
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	183.357.901.265	15.316.718.839

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.302.571.168	198.757.124
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.369.793.306	4.940.150.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	314.566.500	3.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.218.479.334	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	76.950.000	-
Cộng	9.282.360.308	5.142.507.124

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.455.265.273	87.422.695
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	7.069.463.834	225.130.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.367.343.228	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư cổ phiếu	241.000.000	696.000.000
Chi phí tài chính khác	125.384.238	36.806.610
Cộng	11.258.456.573	1.045.359.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.894.948	59.693.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.818.527.460	38.529.176
Chi phí bằng tiền khác	219.815.039	98.500.421
Cộng	5.207.237.447	196.722.681

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.463.263.027	663.739.867
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	338.107.812	39.805.289
Chi phí khấu hao TSCĐ	140.864.305	11.947.610
Chi phí thuế, phí, lệ phí	148.200.737	4.130.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	983.951.170	70.903.051
Chi phí bằng tiền khác	763.910.230	388.644.999
Cộng	4.838.297.281	1.179.170.816

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Thu nhập trước thuế	242.542.082	3.118.415.709
Các khoản chi phí không phù hợp với mục đích tính thuế	-	-
Các khoản thu nhập không chịu thuế	314.566.500	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(72.024.418)	3.118.415.709
Thuế suất thuế TNDN	28%	28%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	872.917.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Mua hàng từ các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	22.644.500.000	-
Cộng	22.644.500.000	-
	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	1.028.441.790	-
Cộng	1.028.441.790	-

Số dư với các bên liên quan:

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công nợ phải thu		
- Ông Đinh Hồng Long	253.652.000	-
- Ông Lưu Quang Minh	1.629.927.356	1.493.579.376
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Ô tô xe máy Hà Nội	674.562.689	-
Cộng	2.558.142.045	1.493.579.376

Thu nhập của Ban Giám đốc

Thu nhập của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng trong năm là 473.500.000 đồng.

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 đã được kiểm toán.

Đinh Hồng Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2009

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng